TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2023/HS-PT
Ngày 03- 04- 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 3 và ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 567/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Minh T cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1992 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú (HKTT): Ấp T 1, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1950 và bà Trần Thị C, sinh năm 1950; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 15/9/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 03 tháng 09 ngày tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", bị cáo chấp hành án xong, đã xóa án tích; tạm giam: Ngày 14/9/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp *(có mặt)*.

2. **Trần Thái T1 (Quậy)**, sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú (HKTT): Ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn L, sinh năm 1953 và bà Phan Thị A, sinh năm 1958; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa; tạm giữ: Ngày 08/5/2021; tạm giam: 14/5/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp *(có mặt)*.

3. **Phan Thanh T2,** sinh năm 1999 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú (HKTT): Ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn N (không rõ năm sinh) và bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1979; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa; tạm giam: Ngày 14/9/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp *(có mặt)*.

4. **Nguyễn C**, sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú (HKTT): Ấp T 1, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973 và bà Lê Hồng M, sinh năm 1978; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa; tạm giam: Ngày 14/9/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp *(có mặt)*.

5. **Huỳnh Văn C1 (Chân Em)**, sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú (HKTT): Ấp L B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 08/10/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành án xong, đã xóa án tích; bị áp dụng cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/9/2021. Hiện bị cáo đang tại ngoại *(có mặt)*.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Phan Thanh T2, Nguyễn C:

Luật sư Nguyễn Minh L- Văn phòng Luật sư Minh Phúc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang *(có mặt).*

Địa chỉ: Số 60/10B, Quốc lộ 91, khóm Đ B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Thanh T2:

Luật sư Trần Tấn T9 - Công ty Luật TNHH MTV thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp *(có mặt lúc xét xử,vắng mặt lúc).*

Địa chỉ: Số 14-16, ĐT848, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị hại:

1. Huỳnh Phú T3 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại Huỳnh Phú T3:

Ông Huỳnh Văn T4, sinh năm 1955 *(cha của bị hại, vắng mặt)*.

Bà Lê Thị H, sinh năm 1958 *(mẹ của bị hại, vắng mặt)*.

Cùng địa chỉ: Số 380/TH, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T4, bà H: Bà Huỳnh Thị Kiều D, sinh năm 1994 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 380/TH, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Văn T5, sinh năm 1991 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 293, khóm 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Duy K, sinh năm 1999 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 108 A, ấp H, xã L B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Thị Mỹ A, sinh năm 1987 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 39/2, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Tấn T6, sinh năm 1981 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 156, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bạch Nhựt T7, sinh năm 1991 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp T 1, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Văn C2, sinh năm 1989 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 86, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Hoài M, sinh năm 1990 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 79, ấp H, xã L B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn Quốc D1, sinh năm 1995 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp L B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1989 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

9. Trần Anh C3, sinh năm 1990 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp Tây, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

10. Huỳnh Thị Kiều D, sinh năm 1994 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 380/TH, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

11. Nguyễn Hò P (Si Đa), sinh năm 1992 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp T 1, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

12. Lý Anh H1, sinh năm 1993 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

13. Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1990 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

14. Nguyễn Phúc T8 (Tý), sinh năm 1983 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 01, khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

15. Trần Thanh P1, sinh năm 1971 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thái T1, Nguyễn Minh T, Phan Thanh T2, Nguyễn C và Huỳnh Văn C1 là bạn bè chơi chung với nhau.

Vào khoảng 21 giờ ngày 07/5/2021, bị hại Huỳnh Phú T3 cùng Nguyễn Hoài M (Hùng), Huỳnh Thị Kiều D, Trần Văn T5, Trần Thái T1, Huỳnh Văn C1, Nguyễn Quốc D1, Trần Anh C3, Nguyễn Phúc T8, Nguyễn Duy K (Su), Nguyễn Thị Thùy N và Nguyễn Hò P (Si Đa) tổ chức uống rượu tại quán A Phú thuộc khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, đây là khu Trung tâm của Huyện, có nhiều dân cư sinh sống.

Đến khoảng 22 giờ thì Huỳnh Phú T3, Trần Thái T1, Nguyễn Hò P và Nguyễn Hoài M đi ra ngoài nói chuyện về mâu thuẫn trước đó, T3 nói với T1: "*Có đánh M thì cho M đánh lại*". Khi ấy, giữa T3 và T1 xảy ra mâu thuẫn với nhau, Huỳnh Văn C1 thấy vậy nên đi ra can ngăn T3 và T1 thì bị Nguyễn Duy K cầm chai bia đánh vào đầu C1 gây thương tích. K và C1 đánh nhau thì được can ngăn, cùng lúc này Công an thị trấn L, huyện L đang đi tuần tra nên đã kịp thời đến giải tán, K được đưa đến Trung tâm y tế huyện Lai Vung điều trị, C1 đi lại quán "Xưa" gần đó để nhậu tiếp.

Sau khi Công an thị trấn Lai Vung đi khỏi, thì còn lại bị hại Huỳnh Phú T3, bị cáo Trần Thái T1, bị cáo Phan Thanh T2 (T2 đến khi giữa K và C1 xảy ra đánh nhau) vào bàn ngồi cùng với D1, D, T5, T8, Cương, Nga. Sau đó, bị cáo Huỳnh Văn C1 đi bộ trở lại quán A Phú cùng với Nguyễn Hò P, khi vừa đến thì C1 có hành vi la lối, kích động, tìm K để đánh, C1 chỉ vào T5 và nói: "*Lúc nãy mày có đánh tao nữa*", giữa C1 và T5 cự cãi với nhau thì bị cáo Phan Thanh T2 cầm chai bia bất ngờ chạy đến vị trí của T5 đánh vào đầu T5 01 cái gây thương tích, thấy T5 bị đánh nên Huỳnh Phú T3 cầm chai bia lên và hỏi: "*Sao đánh T5?"*, T3 định đánh lại T2 thì T1 chạy đến xô đẩy T3 ra ngoài lộ cách bàn nhậu khoảng 05m đánh nhau với T3. Khi T1 cùng T2 vây đánh T3 thì T1 lấy điện thoại ra gọi và nói lớn tiếng: "*Tao bị đánh rồi, tới liền*". Cùng lúc này, Nguyễn C điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Minh T đã chuẩn bị sẵn 01 con dao cán màu vàng, lưỡi bằng kim loại, mũi sắc nhọn chờ sẵn trước đó từ bên kia đường chạy xe qua rồi xuống xe cùng với T1, T2 vây đánh T3. Khi T3 bị đánh thì Huỳnh Thị Kiều D (em ruột của T3), D1 và C1

can ngăn nhóm của T1 ra, D ném chai bia về phía nhóm của T1 để can ngăn thì bị T đâm cán dao vào ngực nhưng không gây thương tích. Trong lúc đánh nhau, giằng co với nhóm của bị cáo T1 thì T3 cầm chai bia đánh trúng đầu T1 nên cả 04 bị cáo gồm: T1 cầm ly bia, T cầm dao, C cầm nón bảo hiểm và T2 cầm chai bia cùng nhau vây đánh T3, T dùng con dao đem theo đâm 02 cái vào vùng lưng của T3, T3 quay người lại thì T tiếp tục đâm thêm 01 cái nữa vào vùng bụng của T3, sau đó T1 cùng với T2, C và T rời khỏi hiện trường trên 02 xe mô tô, trên đường đi T đã ném bỏ con dao để phi tang vật chứng. Huỳnh Phú T3 được C1 và D1 đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Lai Vung nhưng đã tử vong. Sau khi T3 tử vong thì C1 gọi điện thoại cho C nói: "*Anh tao chết rồi, tụi bây tính sao tính*", Trần Thái T1 được chị ruột là Trần Thị Mỹ A và anh ruột Trần Tấn T6 đưa đến Công an huyện Lai Vung đầu thú. Còn T, C và T2 bị khởi tố và bắt tạm giam vào ngày 14/9/2021. Đối với hung khí gây án là con dao, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm thấy.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 499/KL-KTHS ngày 17/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Nạn nhân Huỳnh Phú T3, sinh năm 1990, bị đa vết thương nhiều vùng trên cơ thể, trong đó có vết thương thấu bụng do vật sắc nhọn tác động gây thủng ruột, mạc treo dẫn đến mất máu cấp là nguyên nhân tử vong.

Hiện trường xảy ra vụ án lúc 22 giờ 30 phút ngày 07/5/2021 tại quán A Phú thuộc khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Qua công tác khám nghiệm hiện trường thu giữ tang vật gồm: 01 (một) nón kết màu vàng, lưỡi trai màu đen thu của bị cáo Phan Thanh T2; 01 (một) bộ quần áo của bị hại Huỳnh Phú T3; 01 (một) bộ quần áo, đôi dép, dây thắt lưng của bị cáo Trần Thái T1; 02 (hai) cái khăn dính chất màu nâu đỏ; 03 (ba) đôi dép; 01 nón kết màu trắng nhãn hiệu "M"**;** 01 (một) nón kết màu xám; 03 (ba) nón bảo hiểm; 02 dấu vết máu thu tại hiện trường; mảnh vỡ chai bia, ly bia và thu camera tại quán A Phú.

Tại Bản Kết luận giám định số 538/KL-KTHS ngày 27/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: File dữ liệu không phát hiện cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung. Trích xuất dữ liệu ra đĩa DVD và bản ảnh kèm theo.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 212 ngày 02/6/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Văn T5 do thương tích gây nên hiện tại là 02% (hai phần trăm), tại thời điểm giám định, các tổn thương trên do vật tày gây ra.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 213 ngày 08/6/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Huỳnh Văn C1 do thương tích gây nên hiện tại là 06% (sáu phần trăm), tại thời điểm giám định; các tổn thương trên do vật tày, vật sắc gây ra.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 226 ngày 08/6/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Thái T1 do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03% (ba phần trăm), các tổn thương trên do vật tày gây ra.

Trần Văn T5 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo Phan Thanh T2 về hành vi cố ý gây thương tích. Huỳnh Văn C1 có đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Duy K. Trần Thái T1 không yêu cầu xử lý hình sự đối với người gây thương tích cho mình.

Chính quyền địa phương thị trấn Lai Vung có Báo cáo số 43 ngày 22/8/2021 đề nghị xử lý các đối tượng đánh nhau dẫn đến chết người tại quán A Phú, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng để phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Phan Thanh T2 chỉ thừa nhận hành vi dùng chai bia đánh vào đầu Trần Văn T5, nhưng không thừa nhận cùng với các bị cáo T1, C và T cầm chai bia đánh T3 để tạo điều kiện cho T đâm T3.

Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Phú T3 là ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị H yêu cầu các bị cáo T1, T, C và T2 liên đới bồi thường mai táng phí tổng cộng là 86.650.000 đồng (có hóa đơn), tiền tổn thất tinh thần là 300.000.000 đồng và cấp dưỡng cho ông T4, bà H mỗi tháng là 5.000.000 đồng/người.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo T1, C và T đồng ý bồi thường mai táng phí, còn tiền tổn thất tinh thần thì chịu bồi thường theo quy định của pháp luật và không đồng ý cấp dưỡng cho ông T4, bà H. Riêng bị cáo Phan Thanh T2 không có ý kiến.

Bị hại Trần Văn T5 yêu cầu bị cáo Phan Thanh T2 bồi thường tiền điều trị, tiền thuốc và tổn thất tinh thần tổng cộng các khoản là 5.000.000 đồng, bị cáo T2 đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSĐT- P2 ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố:

Các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Phan Thanh T2, Nguyễn C về tội "*Giết người*" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và tội "*Gây rối trật tự công cộng*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Truy tố bị cáo Phan Thanh T2 về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Truy tố bị cáo Huỳnh Văn C1 về tội "*Gây rối trật tự công cộng*" theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Nguyễn C phạm tội "*Giết người*", "*Gây rối trật tự công cộng*".

1.1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T tù chung thân về tội "*Giết người*".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Minh T chấp hành hình phạt chung của 02 tội là tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/9/2021).

1.2. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thái T1 16 (mười sáu) năm tù về tội *"Giết người"*.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thái T1 03 (ba) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Thái T1 chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 08/5/2021).

1.3. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn C 14 (mười bốn) năm tù về tội *"Giết người"*.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn C 03 (ba) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn C chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/9/2021).

2. Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T2 phạm các tội *"Giết người", "Cố ý gây thương tích", "Gây rối trật tự công cộng"*.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T2 15 (mười lăm) năm tù về tội *"Giết người"*.

Căn cứ các điểm a, i khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T2 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T2 03 (ba) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng"*.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Thanh T2 chấp hành hình phạt chung của 03 tội là 18 (mười tám) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/9/2021).

3. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn C1 phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/7/2022, bị cáo Phan Thanh T2 kháng cáo kêu oan cho rằng bị cáo không tham gia đánh nhau với bị hại Huỳnh Phú T3, bị cáo chỉ đánh Trần Văn T5 nên xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/7/2022, bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo cho rằng có nhiều tình tiết chưa đúng với hành vi mà bị cáo đã gây ra và mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là quá cao nên đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 13/7/2022, bị cáo Trần Thái T1 kháng cáo kêu oan và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/7/2022, bị cáo Huỳnh Văn C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27 tháng 3:

1. Bị cáo Nguyễn Minh T trình bày kháng cáo thừa nhận hành vi đâm bị hại T3 như bản án sơ thẩm đã xét xử nên bị cáo xác định không kháng cáo kêu oan mà

kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2. Bị cáo Phan Thanh T2 trình bày kháng cáo cho rằng bị cáo có đánh Trần Văn T5 nên đồng ý với bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội cố ý gây thương tích. Bị cáo không tham gia đánh nhau với bị hại Huỳnh Phú T3 nên bị cáo không phạm tội giết người như cáo trạng đã qui kết và bản án sơ thẩm đã xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định bị cáo không phạm tội giết người.

3. Bị cáo Trần Thái T1 trình bày kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, lý do bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho bị hại T3.

4. Bị cáo Nguyễn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng mức án Tòa sơ thẩm xử phạt là cao, chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

5. Bị cáo Huỳnh Văn C1 trình bày nội dung kháng cáo: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, để sớm có điều kiện sửa chữa sai lầm.

Tại phần tranh luận:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bị cáo T1 và bị cáo T2 quây đánh T3. Sau đó, T1 mới alo cho T và C đến cùng tham gia đánh nhau. Toàn bộ hồ sơ thể hiện 04 bị cáo cùng vây đánh T3, trong đó T cầm dao, T1 cầm nón bảo hiểm, T2 cầm chai bia, C cầm nón bảo hiểm. Nguyên nhân trực tiếp gây ra cái chết bị hại T3 là vết đâm của bị cáo T, nhưng các bị cáo khác cùng tham gia đánh nên phải chịu trách nhiệm đồng phạm tội "Giết người", "Cố ý gây thương tích" và " Gây rối trật tự công cộng". Bản án sơ thẩm đã thẩm đã xem xét, áp dụng đúng tội danh, hình phạt đối với các bị cáo, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không oan sai. Các bị cáo kháng cáo nhưng không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thanh T2 tranh luận :

Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Than Toàn về tội giết người là chưa phù hợp vì bị cáo T2 không thừa nhận hành vi tham gia đánh bị hại T3; Biên bản đối chất không có luật sư tham gia; cơ quan Điều tra không cho đối chất giữa những người làm chứng với bị cáo T2 vì những người làm chứng đều có mối quan hệ họ hàng với bị hại, nên lời khai của người làm chứng có sự thông đồng với nhau. Sự việc xảy ra lúc hơn 22g, trời tối nên gây khó khăn cho việc nhận dạng. Lời khai của người làm chứng chứng D1 có sự mâu thuẫn, lúc khai T1 đâm T3, lúc khai T đâm T3.

Lời khai của người làm chứng Chung có sự mâu thuẫn, lúc khai không biết ai tham gia đánh nhau, lúc khai rằng T1 và T3 kéo nhau ra ngoài cãi nhau, nghe

nói có Công an nên chạy xe đi gửi, lúc sau quay lại xem tình hình. Lời khai của Diễm Kiều lúc khai đi vệ sinh lúc khai thấy đánh nhau.

Cơ quan tiến hành tố tụng chưa cho đối chất giữa các nhân chứng và bị cáo T2, cũng không trình chiếu Video clip cho các bị cáo xem.

Gia đình bị cáo T2 có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định bị cáo T2 không đồng phạm về tội "Giết người" và giảm hình phạt cho bị cáo T2 đối với tội "Cố ý gây thương tích".

- Luật sư bào chữa cho bị cáo T tranh luận: Tôi và luật sư đồng nghiệp chưa được coi Video clip mà chỉ có hình ảnh Video clip chụp lại ghi cảnh các bị cáo có mặt tại hiện trường và không có cụ thể hình ảnh đánh nhau. Những người làm chứng có mối quan hệ họ hàng với gia đình bị hại và có các lời khai giống nhau. Thực tế, 04 bị cáo T, T2, C, T1 không cùng 1 lúc có mặt tại hiện trường, mà T1 và T2 có mặt trước, T và C có mặt sau. T cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là chỉ mình T đâm T3.

Bị cáo T có hơn 02 tình tiết giảm nhẹ, phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động từ phía bị hại và không có ý định tước đoạt mạng sống của bị hại T3 nhưng bản án sơ thẩm xét xử bị cáo tù chung thân là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, xử phạt bị cáo 12 năm tù là phù hợp.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo C tranh luận: Bị cáo C là người chở bị cáo T tới hiện trường. Bị cáo C chỉ can đánh nhau và không có thương tích trên người. Nên hành vi của bị cáo C không tương xứng với tội danh và khung hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Bị cáo C chỉ gây rối la hét tại hiện trường nên chỉ cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng". Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với tội "Gây rối trật tự công cộng" và xác định bị cáo T2 không phạm tội "Giết người" và tội "Cố ý gây thương tích".

- Luật sư bào chữa cho bị cáo T1 tranh luận: Bị cáo T1 có cầm ly bia nhưng không đánh ai mà còn bị bị hại T3 đánh. Thương tật của bị cáo T1 được giám định là 3%. Ảnh camera ghi lại cảnh bị cáo T1 cầm ly bia và đè T ra, nhưng không có hình ảnh trực tiếp đánh T3. Cơ quan Điều tra căn cứ vào vết thương của bị hại và vẽ con dao để bị cáo T1 thừa nhận hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định bị cáo T1 không phạm tội "Giết người" và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1 đối với tội "Cố ý, gây thương tích".

- Bị cáo C1: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Không đồng ý với ý kiến tranh luận của các luật sư.

Về lời khai của người làm chứng: Hồ sơ thể hiện có nhiều người làm chứng, không phải chỉ mỗi người làm chứng có mối quan hệ với các bị hại, mà gồm những người ngoài;

Camera trích xuất hình ảnh đã được giám định, không phải là chứng cứ duy nhất để quy kết các bị cáo phạm tội, mà trên cơ sở lời khai của chính bị cáo phù hợp hiện trường và toàn bộ các bị cáo, lời khai của người làm chứng có mặt tại hiện trường tại thời điểm đó.

Không thể căn cứ vào việc bị cáo C1 không nhìn thấy thì đồng nghĩa các bị cáo không tham gia. Việc bị cáo T2 cầm chai bia đập vào đầu bị hại T5, sau đó cùng tham gia đánh bị hại T3 là có cơ sở. Việc bị cáo T1 cầm điện thoại điện cho bị cáo C và bị cáo T tới đã xác định được các bị cáo thống nhất cùng tham gia hành vi phạm tội, hậu quả chung xảy ra là bị hại T3 bị đâm chết. Việc T không cần biết sự việc xảy ra như thế nào, khi tới hiện trường lại dùng giao đâm 02 nhát vào bị hại T3 là hành vi có tính chất côn đồ, không thể hiện việc bị cáo T bị kích động mạnh như luật sư bào chữa. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo T tù chung thân và các bị cáo khác tù có thời hạn theo từng hành vi giúp sức là đúng người, đúng tội. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo và lời bào chữa của Luật sư. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Thái và luật sư Lệ bảo lưu quan điểm tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho trình chiếu video clip trước khi phán quyết.

Lời nói sau cùng:

Bị cáo T: Trong lúc không kiềm chế được bản thân đã gây ra cái chết cho T3, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T1: Bị cáo đồng ý với bào chữa của luật sư, kêu oan tội giết người, xin giảm nhẹ các tội danh khác.

Bị cáo T2: Bị cáo không phạm tội "Giết người".

Bị cáo C: Bị cáo đồng ý với bào chữa của luật sư, kêu oan tội giết người, xin giảm nhẹ các tội danh khác.

Bị cáo C1: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo và xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2022, bị cáo Phan Thanh T2, bị cáo Nguyễn C kháng cáo; ngày 07/7/2022 bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo; ngày 13/7/2022 bị cáo Trần Thái T1 kháng cáo; ngày 18/7/2022 bị cáo Huỳnh Văn C1 kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo làm và nộp trong hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm, được quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phan Thanh T2, Trần Thái T1, Nguyễn C cho rằng các bị cáo không phạm tội "Giết người" với vai trò đồng phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm, xét lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng, phù hợp với tài

liệu chứng cứ như: Biên bản nhận dạng, biên bản hiện trường, clip thu được từ camera, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

[2.1]. Do có mâu thuẫn từ trước giữa bị cáo Trần Thái T1 với bị hại Huỳnh Phú T3, khi T3 yêu cầu bị cáo T1 ra giải quyết mâu thuẫn trước đó giữa T1 và Nguyễn Hoài M dẫn đến việc bị cáo T1 và bị hại T3 cự cãi nhau. Bị cáo Huỳnh Văn C1 ra can thì bị Nguyễn Duy K cầm chai bia đánh C1 gây thương tích. Vụ việc đã được Công an thị trấn L, huyện L giải quyết xong.

[2.2]. Tuy nhiên, khi bị cáo Huỳnh Văn C1 quay lại quán nhậu A Phú tìm K để đánh nhau, bị cáo C1 có hành vi la lối, lớn tiếng kích động và cho rằng Trần Văn T5 có đánh mình. Khi nghe C1 nói vậy thì bất ngờ bị cáo Phan Thanh T2 đứng dậy cầm chai bia đánh vào đầu của T5. Khi thấy T5 bị đánh, Huỳnh Phú T3 định đánh lại bị cáo T2 thì bị cáo T1 đẩy T3 ra ngoài lộ cách bàn nhậu khoảng 05m và bị cáo T1, bị cáo T2 cùng vây đánh bị hại T3. Bị cáo T1 gọi điện báo cho bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn C cùng tới hỗ trợ đánh nhau với bị hại T3. Cả 04 bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Phan Thanh T2, Nguyễn C vây đánh bị hại T3 và đều sử dụng hung khí: T1 cầm ly bia, T cầm dao, C cầm nón bảo hiểm, T2 cầm chai bia tấn công nhiều vị trí trọng yếu trên người bị hại T3. Bị hại T3 đã bị Nguyễn Minh T cầm dao đâm 02 nhát vào lưng, khi quay người lại thì bị T đâm tiếp 01 nhát vào bụng. Bị cáo Nguyễn Minh T là người trực tiếp gây ra cái chết của bị hại Huỳnh Phú T3. Tuy nhiên, nếu không có sự hỗ trợ, giúp sức của các bị cáo Trần Thái T1, Phan Thanh T2, Nguyễn C bằng cách dùng hung khí tấn công liên tục, dồn dập, chi phối sự chống đỡ của bị hại Huỳnh Phú T3 thì sẽ không thể tạo điều kiện cho bị cáo Nguyễn Minh T đâm bị hại Huỳnh Phú T3.

[2.3]. Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Phan Thanh T2, Nguyễn C thể hiện các bị cáo đã cố ý cùng thực hiện tội phạm nên các bị cáo là đồng phạm (thuộc loại đồng phạm giản đơn vì không có bố trí, sắp đặt, phân công vai trò, nhiệm vụ từ trước); việc bị cáo Trần Thái T1 đánh nhau với bị hại Huỳnh Phú T3 xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhặt, các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn C, Phan Thanh T2 không có mâu thuẫn với bị hại Huỳnh Phú T3, nhưng các bị cáo vây đánh và giết chết bị hại Huỳnh Phú T3, thể hiện rõ tính chất côn đồ của các bị cáo.

[2.4]. Bản án sơ thẩm đã xử các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Nguyễn C về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; tuyên bị cáo Phan Thanh T2 về các tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, tội "Cố ý gây thương tích" theo các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; tuyên bị cáo Huỳnh Văn C1 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5].Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Thanh T2 cho rằng bị cáo không tham gia đánh bị hại T3 nên không phạm tội giết người. Các bị cáo T1, C trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa ngày 27/3/2023 thừa nhận hành vi đồng phạm về tội

"Giết người" nên không kêu oan, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt đối với các tội cấp sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên, sau khi luật sư bào chữa thì các bị cáo T1 và C đồng ý với đề nghị của luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử xác định các bị cáo không đồng phạm với bị cáo T về tội "Giết người" và xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội "Cố ý gây thương tích" và tội " Gây rối trật tự công cộng".

[2.6]. Xét thấy, trong quá trình điều tra, tuy tố, xét xử bị cáo T2 không thừa nhận hành vi tham gia cùng T1, T và C đánh T3. Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất (bút lục 619) giữa bị cáo T với bị cáo T2; Biên bản đối chất giữa bị cáo T2 với bị cáo T1 (bút lục 615); Biên bản đối chất giữa bị cáo C1 với bị cáo C (bút lục 589); Biên bản đối chất giữa bị cáo C với bị cáo T2 (bút lục 617) phù hợp với các lời khai của những người làm chứng; các biên bản nhận dạng về ảnh; hình ảnh được ghi lại qua Camera do Cơ quan Điều tra thu thập đã được giám định đều thể hiện bốn bị cáo: T1, T, T2 và C cùng nhau vây đánh bị hại T3 và đều sử dụng hung khí: T là người dùng dao đâm T3, T1 cầm ly bia, T cầm dao, C cầm nón bảo hiểm, T2 cầm chai bia tấn công nhiều vị trí trọng yếu trên người bị hại T3. Điều này cũng phù hợp với hiện trường vụ án; phù hợp với các vết thương trên cơ thể bị hại (T3) thể hiện tại Bản kết luận giám định pháp ý về tử thi số 499/KL-KTHS ngày 17/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: *"Nạn nhân Huỳnh Phú T3, sinh năm 1990, bị đa vết thương nhiều vùng trên cơ thể, trong đó có vết thương thấu bụng do vật sắc nhọn tác động gây thủng ruột, mạc treo dẫn đến mất máu cấp là nguyên nhân tử vong".*

[2.7]. Tại cấp phúc thẩm, lời khai của các bị cáo trong các phiên tòa bất nhất, mâu thuẫn với lời khai trước đó của chính các bị cáo, không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ. Ngoài lời khai, phía các bị cáo không ai cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

[2.8]. Về ý kiến của luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho trình chiếu File dữ liệu. Xét thấy File dữ liệu này không phải là chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm mà do Cơ quan Điều tra thu thập được trong quá trình điều tra, đã được giám định tại Bản kết luận giám định số 538/KL-KTHS ngày 27/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: File dữ liệu không phát hiện cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung. Đồng thời có trích xuất dữ liệu ra đĩa DVD và bản ảnh kèm theo trong hồ sơ. Mặt khác, đây không phải là chứng cứ duy nhất để quy kết các bị cáo phạm tội, mà trên cơ sở lời khai của chính từng bị cáo, hiện trường vụ án và toàn bộ các lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng có mặt tại hiện trường tại thời điểm đó như đã phân tích ở trên. Do vậy, việc trình chiếu dữ liệu này là không cần thiết.

[2.9].Về ý kiến của luật sư cho rằng lời khai của người làm chứng đa số quen thân với phía bị hại như C1 là cháu của bị hại T3, Diễm Kiều là em ruột bị hại T3,...nên không đảm bảo khách quan. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện có nhiều lời khai của nhiều người làm chứng, không phải chỉ mỗi người làm chứng có mối quan hệ với các bị hại, mà có những người ngoài.Việc bị cáo T2 cầm chai bia đánh

vào đầu bị hại T5, sau đó tiếp tục cầm chai bia cùng tham gia đánh bị hại T3 là có cơ sở. Việc bị cáo T1 cầm điện thoại điện cho bị cáo C và bị cáo T tới là xác định các bị cáo thống nhất cùng tham gia hành vi phạm tội, hậu quả chung xảy ra là bị hại T3 bị đâm chết. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo các bị cáo T2, T1, C và đề nghị của luật sư bào chữa cho rằng các bị cáo: T2, T1, C không phạm tội "Giết người" với vai trò đồng phạm.

Bản bản án sơ thẩm xét xử bị cáo T tù chung thân và các bị cáo khác tù có thời hạn theo từng hành vi giúp sức là đúng người, đúng tội, cần giữ nguyên theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa.

[3]. Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3.1]. Bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối tội "Giết người" và tội "Gây rối trật tự công cộng", xét thấy:

Về tội "Giết người": Bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ như đã bồi thường cho gia đình bị hại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), thành khẩn khai báo, cha của bị cáo tham gia kháng chiến chống Mỹ; ông bà nội của bị cáo được Chính phủ tặng Bảng gia đình danh dự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tội "Gây rối trật tự công cộng": Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, gia đình có công với Cách Mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có nhân thân không tốt, năm 2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 tháng 09 ngày tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", bị cáo đã được xóa án tích.

Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên của bị cáo T đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng đầy đủ và xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T tù chung thân về tội "Giết người, 03 (ba) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Minh T chấp hành hình phạt chung của 02 tội là tù chung thân là phù hợp qui định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo T.

[3.2]. Bị cáo Trần Thái T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội "Gây rối trật tự công cộng", xét thấy về tội "Gây rối trật tự công cộng" bị cáo T1 có các tình tình giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên của bị cáo T1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng đầy đủ và xử phạt bị cáo Trần Thái T1 03 năm tù đối với tội "Gây rối trật tự công cộng" là phù hợp qui định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T1 và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo.

[3.3]. Bị cáo Phan Thanh T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các tội *"*Cố ý gây thương tích " và tội "Gây rối trật tự công cộng", xét thấy:

Về tội "Cố ý gây thương tích": Bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình nộp 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Văn T5, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tội *"*Gây rối trật tự công cộng": Bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên của bị cáo T2 đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng đầy đủ và xử phạt bị cáo Phan Thanh T2 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 03 (ba) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" là phù hợp qui định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T2 và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo T2.

[3.4]. Bị cáo Nguyễn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội "Gây rối trật tự công cộng", xét thấy:

Đối với tội "Gây rối trật tự công cộng", bị cáo C đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng và xử phạt bị cáo C 03 (ba) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" là phù hợp qui định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo C.

[3.5]. Bị cáo Huỳnh Văn C1 kháng cáo xin được hưởng án treo, xét thấy:

Bị cáo C1 không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo C1 chỉ có một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo C1 có nhân thân không tốt, vào ngày 08/10/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã được xóa án tích. Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo C1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" là phù hợp qui định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo C1 không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Căn cứ qui định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP) ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TANDTC qui định về điều kiện cho người bị kết án tù được hưởng án treo thì bị cáo không đáp ứng đủ các điều kiện để hưởng án treo.

Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo C1 và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo.

[3.6] Từ sự phân tích, đánh giá tại mục [3.1] đến mục [3.5], Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo T, C, C1, T2, T1 và đề nghị của luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát là đúng pháp luật, được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Nguyễn C, Phan Thanh T2, Huỳnh Văn C1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị (về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí,) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Nguyễn C, Phan Thanh T2, Huỳnh Văn C1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Phan Thanh T2, Nguyễn C phạm tội "*Giết người*", "*Gây rối trật tự công cộng*".

1.1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T tù chung thân về tội "*Giết người*".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Minh T chấp hành hình phạt chung của 02 tội là tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/9/2021).

1.2. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thái T1 16 (mười sáu) năm tù về tội *"Giết người"*.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thái T1 03 (ba) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Thái T1 chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 08/5/2021).

1.3. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn C 14 (mười bốn) năm tù về tội *"Giết người"*.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn C 03 (ba) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng"*.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn C chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/9/2021).

2.Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T2 phạm các tội *"Giết người", "Cố ý gây thương tích","Gây rối trật tự công cộng"*.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T2 15 (mười lăm) năm tù về tội *"Giết người"*.

Căn cứ các điểm a, i khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T2 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T2 03 (ba) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng"*.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Thanh T2 chấp hành hình phạt chung của 03 tội là 18 (mười tám) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/9/2021).

3. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn C1 phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Thái T1, Nguyễn C, Phan Thanh T2, Huỳnh Văn C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị (về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Công an tỉnh Đồng Tháp (1);
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp ;
- Bị cáo (5); Người bào chữa; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án (3), 37b (PMT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa